Bài 1: Xác định thành phần câu của từ trong ngoặc

Câu 7 : She is (a good student).

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 12 : You might see (dolphins) here.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 10 : He usually (gives) me some flowers on my birthdays.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 4: They speak (English) very fluently.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 2 : He wrote (an interesting story).

Chủ ngữ (S)

LIVEWORKSHEETS

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 9 : They keep (their room) tidy.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 11 : (This room) has been painted blue.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 5: (His wife) sometimes made him angry.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 1 : Ha (runs) every day. *

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 8 : I am (happy)

LIVEWORKSHEETS

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 3: (She) wrote some letters to her husband.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Câu 6 : You (should keep) those children quiet.

Chủ ngữ (S)

Động từ (V)

Tân ngữ (O)

Bổ ngữ (C)

Bài 2: Xác định cấu trúc câu của các câu dưới đây

Câu 24: I am feeling tired.*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 19 : They were singing a song in the lesson.*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O

LIVEWORKSHEETS

Câu 22: Lauren sold her necklace.*

S + V + C

S + V + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 13 : The workshop is boring.*

S + V + O

S + V + C

S + C + O

S + V + O + C

Câu 18 : He offered a lot of services to us.

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 16 : The baby is crying.*

S + V

S + V + C

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 20: Somebody cleans the room*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O

S + V + O + C

LIVEWORKSHEETS

Câu 14 : The conference room has three tables.*

S + V + O

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + C

Câu 23: I find this task difficult.*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 21: The windows aren't clean.*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 17 : She made him angry.*

S + V + C

S + V + C + O

S + V + O + O

S + V + O + C

Câu 15 : They will discuss the problem.

S + V + O

S + V + C

S + V + O + O

S + V

LIVEWORKSHEETS